

CTCP BCG ENERGY
BCG ENERGY JSC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Số/No.: 32/2025/CBTT-BGE

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2025
Ho Chi Minh City, July 18, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange*

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP BCG ENERGY thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Riêng lẻ và Hợp nhất kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Pursuant to the provisions of Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, BCG Energy Joint Stock Company shall disclose the 2024 Audited Consolidated and Separate financial statements to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức/ Organization name: Công ty Cổ phần BCG Energy

- Mã chứng khoán/ *Stock ticker*: BGE
- Địa chỉ/ *Address*: LK10-21 đường Trần Quý Kiên, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *LK10-21 Tran Quy Kien Street, Binh Trung Tay Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam*
- Điện thoại liên hệ/ *Tel*: (028) 62 680 680 Fax: (028) 62 9911 88
- Email: ir-bcgenenergy@bamboocap.com.vn Website: <https://bcgenenergy.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố/ Disclosure of information

- Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất kiểm toán năm 2024/ *The 2024 Audited Consolidated and Separate financial statements.*
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân/ *Cases that require explanation:*



+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC/ *The audit organization has issued an opinion that is not an unqualified opinion regarding the financial statements:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có/ Yes

☐ Không/ No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán)/ *Profit after tax in the reporting period shows a variance of 5% or more before and after the audit or shifts between profit and loss (for audited financial statements):*

☒ Có /Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/ *After-tax corporate income profit in the reporting period changes by 10% or more compared to the same period last year:*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có /Yes

☐ Không/No

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ *After-tax profit in the reporting period shows a loss, shifting from profit in the same period last year to a loss this period, or vice versa:*

☒ Có/Yes

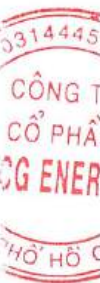
☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanation document (if applicable):*

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <https://bcgenenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2025/> This information was published on the company's website at the link: https://bcgenenergy.com.vn/quan-he-nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin/2025



Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any misrepresentation.*

Tài liệu đính kèm/

Attached documents:

-BCTC riêng lẻ và Hợp
nhất kiểm toán năm
2024/ *The 2024 Audited
Financial statements
(separate and
consolidated)*

- Văn bản Giải trình kết
quả kinh doanh và ý
kiến ngoại trừ BCTC
kiểm toán năm 2024/
*Explanation of Business
Performance and
Qualified Opinion in the
2024 Audited Financial
Statements*

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
NGƯỜI UQCBTT/
INFORMATION DISCLOSURE
REPRESENTATIVE
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/
DEPUTY GENERAL DIRECTOR**



NGUYỄN GIANG NAM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BCG Energy trân trọng đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần BCG Energy (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 6 năm 2017 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 vào ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu là BGE kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định số 836/QĐ-SGDHN ngày 23/7/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch và Thông báo số 3449/TB-SGDHN ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Tên tiếng Anh: BCG ENERGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: BCG ENERGY.

Mã chứng khoán: BGE.

Trụ sở chính: LK10-21, đường Trần Quý Kiên, phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
(*) Ông	Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
(*) Ông	Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
(*) Bà	Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Ông	Đông Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông	Nguyễn Viết Cương	Phó Ban Kiểm soát
(*) Bà	Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông	Tan Bo Quan Andy	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà	Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/3/2024)
Ông	Đặng Đình Quyết	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Ông	Phạm Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2024)
(*) Ông	Hoàng Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Bà	Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/9/2024)
Ông	Lưu Khánh Trường	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 17/4/2024 đến nay)
Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 16/4/2024)
Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

(*) Các thành viên này đã nộp đơn từ nhiệm chức vụ trong ngày 11, 12/3/2025 và đang chờ Đại hội Đồng cổ đông thông qua.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC được bổ nhiệm là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Phạm Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Số: B0625207-R/MOORE AISC-DN7**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần BCG Energy** (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 7 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Tại thuyết minh mục V.6(a, c, g, h, i, j), Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty Con với tổng giá trị dự phòng là 480.774.989.213 VND, cụ thể:

Tên công ty	Giá trị dự phòng tại 31/12/2024
Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa	2.239.493.401 VND
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	8.131.899.398 VND
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	224.876.353.904 VND
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	81.056.008.157 VND
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	17.936.632.600 VND
Công ty CP Aurai Wind Energy	146.534.601.753 VND
Tổng cộng	480.774.989.213 VND

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty Con được Công ty trích lập dựa vào báo cáo tài chính của các công ty Con nhưng chưa xem xét ảnh hưởng của các khoản phải thu từ khoản đặt cọc, tạm ứng, và các khoản hợp tác kinh doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024 của các công ty Con với tổng giá trị ghi sổ là 2.984.471.000.000 VND. Nếu đánh giá các khoản phải thu này là không thể thu hồi thì Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất bổ sung đối với các khoản đầu tư vào công ty Con này tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 1.694.951.009.694 VND. Giá trị dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư vào công ty Con này sẽ phụ thuộc vào thực tế phát sinh cũng như đánh giá đúng mực, cân trọng từ Ban điều hành Công ty và các công ty Con về khả năng thu hồi từ các khoản phải thu nêu trên.

2. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, chúng tôi đã không nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải trả người bán tại ngày 31/12/2024 với số dư là 467.527.982.231 VND (thuyết minh tại Mục V.9). Các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đánh giá tính đầy đủ của các khoản nợ phải trả này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần BCG Energy** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các khoản đầu tư (mục (6o) - 474.039.231.481 VND) và khoản cho vay (mục V.5 - 56.220.000.000 VND) với tổng giá trị 530.259.231.481 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng nguyên tắc thận trọng theo nguyên tắc kế toán về đánh giá khả năng thu hồi và quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị ghi sổ. Mức trích lập dự phòng tổn thất cụ thể có thể thay đổi tùy thuộc vào thực tế phát sinh.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 29 tháng 02 năm 2024.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



NGUYỄN VĂN TUYỀN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0111-2023-005-1



HÀ NGUYỄN HOÀNG NHÂN

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 5908-2023-005-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.312.360.018.964	2.997.016.695.574
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.337.410.053	14.952.726.806
1. Tiền	111		37.622.660.613	14.952.726.806
2. Các khoản tương đương tiền	112		20.714.749.440	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.6.1	592.380.000	592.380.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		592.380.000	592.380.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.251.450.204.927	2.974.852.964.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	53.122.729.860	34.048.831.180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.717.368.602	37.334.627.300
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	833.446.180.000	405.340.300.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2.421.082.041.755	2.498.129.206.042
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(57.918.115.290)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.980.023.984	6.618.624.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	653.648.646	3.182.796.468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.326.375.338	3.435.827.778
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.787.825.433.793	5.543.574.583.075
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		216.710.749.440	348.817.180.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	216.700.749.440	348.807.180.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		5.873.563.127	6.888.168.390
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.873.563.127	6.888.168.390
- Nguyên giá	222		9.674.875.456	9.674.875.456
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.801.312.329)	(2.786.707.066)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		678.081.473	513.535.623
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		678.081.473	513.535.623
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6.2	4.564.509.824.994	5.187.008.183.228
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.421.375.173.850	5.387.131.173.850
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		500.774.131.481	27.157.712.350
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		82.145.000.000	82.145.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.439.784.480.337)	(309.425.702.972)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		53.214.759	347.515.834
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	53.214.759	347.515.834
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.100.185.452.757	8.540.591.278.649

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.599.039.774.204	1.179.966.921.304
I. Nợ ngắn hạn	310		1.545.118.603.991	1.074.338.939.073
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9a	530.962.385.871	170.168.496.154
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	833.373.000.000	833.373.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.019.233.592	300.069.666
4. Phải trả người lao động	314		2.205.069.091	1.576.622.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	5.094.922.302	3.648.056.273
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	114.021.887.481	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	272.379.654	18.377.694.480
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	58.169.726.000	46.895.000.000
II. Nợ dài hạn	330		53.921.170.213	105.627.982.231
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	53.921.170.213	105.627.982.231
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.501.145.678.553	7.360.624.357.345
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	6.501.145.678.553	7.360.624.357.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(798.854.321.447)	60.624.357.345
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		60.624.357.345	(61.151.176.893)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(859.478.678.792)	121.775.534.238
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.100.185.452.757	8.540.591.278.649

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.659.349.000	48.042.522.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	53.659.349.000	48.042.522.037
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	28.682.127.797	25.293.503.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.977.221.203	22.749.018.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	365.626.203.753	603.758.327.851
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.153.707.767.560	475.598.248.791
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.542.426.887	347.084.433.660
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	91.588.566.790	34.103.039.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh / (lỗ) (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		(854.692.909.394)	116.806.057.915
11. Thu nhập khác	31	VI.6	33.700.500	5.456.150.640
12. Chi phí khác	32	VI.7	4.819.469.898	483.074.317
13. Lợi nhuận khác / (lỗ) (40 = 31 - 32)	40		(4.785.769.398)	4.973.076.323
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / (lỗ) (50 = 30 + 40)	50		(859.478.678.792)	121.779.134.238
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	3.600.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(859.478.678.792)	121.775.534.238

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng

Lưu Khánh Trường

Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(859.478.678.792)	121.779.134.238
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.014.605.263	1.019.153.863
- Các khoản dự phòng	03		1.188.276.892.655	114.034.884.097
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(90.783.607.448)	(185.065.653.789)
- Chi phí lãi vay	06		17.542.426.887	349.389.989.213
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		256.571.638.565	401.157.507.622
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		128.075.161.059	149.376.602.556
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		584.799.398.724	(678.199.103.128)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2.823.448.897	4.394.779.473
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18.738.188.192)	(396.788.131.929)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(3.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		953.531.459.053	(520.061.945.406)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(164.545.850)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(877.290.877.440)	(196.268.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		581.291.428.000	354.680.666.274
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(803.023.992.000)	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		422.812.350	50.790.000.000
6. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		177.343.673.134	173.275.354.720
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(921.421.501.806)	382.478.020.994
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	2.800.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		397.905.596.000	78.849.347.604
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		(386.630.870.000)	(2.755.607.343.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.274.726.000	123.242.004.254
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		43.384.683.247	(14.341.920.158)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.952.726.806	29.294.646.964
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	58.337.410.053	14.952.726.806

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hạ

Lưu Khánh Trường

Phạm Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần BCG Energy (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 6 năm 2017 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 vào ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sàn giao dịch Upcom với mã cổ phiếu là BGE kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định số 836/QĐ-SGDHN ngày 23/7/2024 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch và Thông báo số 3449/TB-SGDHN ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 7,3 nghìn tỷ VND, được chia thành 730 triệu cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính: LK10-21, đường Trần Quý Kiên, phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: 74 nhân viên (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 61 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty Con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có mười hai (12) công ty Con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp trực tiếp %	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất điện	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	Sản xuất điện	41,28%	41,28%	51,00%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP BCG Vĩnh Long	Sản xuất điện	50,50%	50,50%	50,50%
Công ty CP Skylar	Sản xuất điện - Tư vấn quản lý	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty CP BCG GAIA	Tư vấn quản lý	50,23%	50,23%	50,97%
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	Sản xuất điện	90,16%	90,16%	90,16%

7. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	92,71%	92,71%	92,71%
Công ty CP Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	99,00%	99,00%	99,00%
Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Sản xuất điện	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty CP Aton	Truyền tải và phân phối điện	85,00%	85,00%	85,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có sáu (06) công ty Con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty CP Herb Solar	Sản xuất điện	69,00%	69,00%	68,31%
Công ty CP Orchid Solar	Sản xuất điện	69,00%	69,00%	68,31%
Công ty CP Violet Solar	Sản xuất điện	69,00%	69,00%	68,31%
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	99,90%	50,23%	99,90%
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	99,90%	50,23%	99,90%
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	99,80%	99,80%	99,80%

Theo Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐQT-SKYLAR ngày 04/9/2024, HĐQT của Công ty CP Skylar (công ty Con trực tiếp của Công ty) đã phê duyệt chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư tương ứng 211.178 cổ phần của Công ty CP Greensky Infinitive. Các thủ tục chuyển quyền sở hữu tại Công ty CP Greensky Infinitive đã được hoàn tất vào ngày 05/9/2024. Từ ngày này, Công ty CP Greensky Infinitive không còn là công ty Con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty CP Skylar.

Theo Nghị quyết số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 06/12/2023, Đại hội Đồng cổ đông của Công ty CP Cosmos Solar (công ty Con trực tiếp của Công ty CP Skylar) đã phê duyệt giải thể Công ty CP Cosmos Solar. Công ty CP Cosmos Solar chính thức giải thể vào ngày 20/02/2024.

Tỷ lệ quyền biểu quyết được xác định căn cứ vào số cổ phần phổ thông đã phát hành của các công ty Con thuộc hình thức sở hữu là công ty cổ phần; và căn cứ vào tỷ lệ sở hữu phần vốn góp của các công ty Con thuộc hình thức sở hữu là trách nhiệm hữu hạn.

7.2. Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có bảy (07) công ty liên kết như sau:

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Sản xuất điện	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Sản xuất điện	25,00%	25,00%	25,00%
(*) Công ty CP TSN Long An	Sản xuất điện	45,00%	45,00%	45,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7.2. Danh sách các công ty liên kết (tiếp theo)

Tên công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
(*) Công ty CP TSN Hòn Đất	Sản xuất điện	45,00%	45,00%	45,00%
(*) Công ty CP TSN Huế	Sản xuất điện	45,00%	45,00%	45,00%
(*) Công ty CP TSN Hà Nam	Sản xuất điện	45,00%	45,00%	45,00%

(*) Tính đến ngày 31/12/2024, các công ty này chưa hoàn tất các thủ tục góp vốn như đã thuyết minh tại mục V.6.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016 ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng như thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Xác định tỷ giá quy đổi các giao dịch phát sinh (tiếp theo)

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

3. Các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty Con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập dựa vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con đó. Đối với các đơn vị được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để nhà đầu tư trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính của bên được đầu tư đó

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán - cung cấp dịch vụ giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán: theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc;
 - Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

6. Tài sản cố định (TSCĐ)

6.1 TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

6.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:	Thời gian
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 năm

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác; được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

8. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát là hoạt động liên doanh không thành lập một cơ sở kinh doanh mới. Các bên liên doanh có nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hoạt động của hợp đồng liên doanh được các bên góp vốn thực hiện cùng với các hoạt động kinh doanh thông thường khác của từng bên.

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) (tiếp theo)

Khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động BCC, Công ty ghi nhận là nợ phải trả và không ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.

Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.

Nếu Công ty là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.

Nếu Công ty không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Công ty sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phần doanh thu và chi phí tương đương với phần được chia từ BCC.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

10. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

12. Tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ theo Hợp đồng lao động và Quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng với tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

14. Các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, lãi tỷ giá hối đoái; lãi chuyển nhượng vốn)...

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ phản ánh trị giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn cung cấp dịch vụ và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế suất Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế: đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Công ty đã được thanh tra kiểm tra thuế đến năm 2018.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty trong năm hiện hành là 20%.

20. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

21. Các bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

- (i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty (bao gồm công ty mẹ, công ty Con, các công ty Con cùng tập đoàn);
- (ii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- (iii) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- (iv) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (ii) hoặc trường hợp (iii) của mục bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những Công ty có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền	37.622.660.613	14.952.726.806
Tiền gửi ngân hàng	37.622.660.613	14.952.726.806
Các khoản tương đương tiền	20.714.749.440	-
Tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng (lãi suất: 1,5%/năm)	20.714.749.440	-
Cộng	58.337.410.053	14.952.726.806

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các Bên liên quan (Xem thuyết minh VIII.3)	53.122.729.860	-	34.048.831.180	-
Cộng	53.122.729.860	-	34.048.831.180	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vĩnh Nha Trang	-	-	36.000.000.000	-
Các đối tượng khác	1.717.368.602	(1.026.506.600)	1.334.627.300	-
Cộng	1.717.368.602	(1.026.506.600)	37.334.627.300	-
4. Phải thu khác	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.421.082.041.755	(671.608.690)	2.498.129.206.042	-
a.1. Phải thu khác từ bên thứ ba	713.902.932.281	-	110.018.082	-
- Lãi dự thu các khoản cho vay	1.896.581.985	-	28.218.082	-
- Tạm ứng	145.300.000	-	81.800.000	-
(i) - Khoản đặt cọc cho Bà Nguyễn Thị Bích Lan	592.896.600.000	-	-	-
(ii) - Khoản đặt cọc cho Công ty TNHH SX – XNK – TM DV Tổng hợp Hoàng Vũ	118.935.250.000	-	-	-
- Phải thu khác	29.200.296	-	-	-
a.2. Phải thu khác từ các bên liên quan (*)	1.707.179.109.474	(671.608.690)	2.498.019.187.960	-
(iii) - Khoản phải thu hợp tác kinh doanh	1.677.723.806.170	-	2.380.135.455.067	-
- Lãi dự thu các khoản cho vay	28.495.862.319	-	116.924.291.908	-
- Phải thu khác	959.440.985	(671.608.690)	959.440.985	-
b. Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	2.421.092.041.755	(671.608.690)	2.498.139.206.042	-

Thuyết minh chi tiết:

(*) Chi tiết bên liên quan xem Thuyết minh VIII.3.

(i) Theo Nghị quyết số 57/2024/NQ-HĐQT-BCGE ký ngày 31/12/2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của 13 thửa đất tọa lạc tại xã Lộc Quảng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng do bà Nguyễn Thị Bích Lan là chủ sở hữu. Cùng ngày, Công ty và Bà Nguyễn Thị Bích Lan đã ký kết hợp đồng về việc đặt cọc và các nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 31/12/2024. Thời hạn chuyển nhượng là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hoặc một thời gian dài hơn tùy theo thỏa thuận của các bên tại từng thời điểm.

(ii) Khoản đặt cọc cho việc nhận chuyển nhượng 17.150.000 cổ phần chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty CP BCG Vĩnh Long (hiện tại cũng là công ty Con của Công ty) từ Công ty TNHH Sản xuất – Xuất Nhập khẩu – Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Hoàng Vũ theo hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2024/HĐMBCP/HV-BCGE ký ngày 31/12/2024 với giá chuyển nhượng 125.195.000.000 VND. Tính đến ngày lập báo cáo này, hai bên chưa tiến hành việc chuyển nhượng.

4. Phải thu khác (tiếp theo)

(iii) Khoản tiền hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 ("Khai Long 1") để đầu tư phát triển dự án Nhà máy điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư theo hợp đồng số 270421BCG-KL1 ngày 20/4/2021 và các phụ lục thay đổi điều khoản chia lãi hợp tác; phụ lục gia hạn thời gian hợp tác. Thời gian hợp tác là 04 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty sẽ được hưởng lợi nhuận là 9%/năm trên số tiền đã góp trong quá trình dự án xây dựng và phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế nhân (x) tỷ lệ vốn góp sau khi dự án đi vào vận hành . Số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2024 bao gồm gốc và lãi hợp tác kinh doanh là 1.677.723.806.170 VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Khai Long 1 đang tiến hành đàm phán giá thầu với tổng thầu. Sau đó, Khai Long 1 sẽ tiến hành tiếp tục các hạng mục xây dựng và đưa dự án vào triển khai hoạt động. Ban Tổng Giám đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển dự án Nhà máy điện gió nêu trên trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có khả năng thu hồi toàn bộ khoản gốc và lãi BCC này và Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng cần phải lập về khó thu hồi khoản BCC nói trên.

5. Phải thu về cho vay	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	833.446.180.000	(56.220.000.000)	405.340.300.000	-
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)	764.267.180.000	(56.220.000.000)	405.340.300.000	-
Các đối tượng khác	69.179.000.000	-	-	-
b. Dài hạn	216.700.749.440	-	348.807.180.000	-
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)	216.700.749.440	-	348.807.180.000	-
Cộng (*)	1.050.146.929.440	(56.220.000.000)	754.147.480.000	-

(*) Bao gồm các khoản cho vay tín chấp theo từng hợp đồng cho vay cụ thể và phụ lục gia hạn hợp đồng; thời gian cho vay từ 03 tháng đến 36 tháng. Lãi suất cho vay: từ 9%/năm đến 14,05%/năm.

Trong đó, số dư cho vay tại 31/12/2024 bao gồm:

+ Số dư phải thu cho vay Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1 ("Khai Long 1") là 272.620.000.000 VND và lãi cho vay phát sinh còn phải thu là 7.010.568.980 VND. Khai Long 1 đang tiến hành đàm phán giá thầu với tổng thầu. Sau đó, Khai Long 1 sẽ tiến hành tiếp tục các hạng mục xây dựng và đưa dự án vào triển khai hoạt động. Ban Tổng Giám đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển dự án Nhà máy điện gió nêu trên trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có khả năng thu hồi và đánh giá không có khoản dự phòng cần phải lập về khó thu hồi toàn bộ khoản gốc và lãi cho vay của Khai Long 1.

+ Số dư phải thu cho vay tín chấp đến Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa và Công ty CP TSN Long An với tổng giá trị là 56.220.000.000 VND. Do không có đầy đủ bằng chứng thích hợp để xác định chính xác giá trị thuần có thể thu hồi của khoản mục này tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng nguyên tắc thận trọng và quyết định trích lập dự phòng 100% giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V.6. Các khoản đầu tư tài chính

6.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

Tiền gửi tiết kiệm 12 tháng (lãi suất: 4,9%/năm)

Cộng

6.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

6.2.1 Đầu tư vào các công ty Con

- (6a) Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa
- (6b) Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh
- (6c) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thanh Nguyên
- (6d) Công ty CP BCG Vĩnh Long
- (6e) Công ty CP Skylar
- (6f) Công ty CP BCG GALA
- (6g) Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng
- (6h) Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1
- (6i) Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2
- (6j) Công ty CP Aurai Wind Energy
- (6k) Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông
- (6l) Công ty CP Aton

6.2.2 Đầu tư vào công ty Liên kết

- (6m) Công ty TNHH Skylight Power
- (6n) Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M
- (6o) Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa

6.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác

- (6p) Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương
- (6q) Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương
- (6r) Công ty CP Năng lượng Dương Phong
- (6s) Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1

Cộng

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	592.380.000	-	592.380.000	-
Cộng	592.380.000	-	592.380.000	-

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6.2.1 Đầu tư vào các công ty Con	5.421.375.173.850	(882.256.523.009)	5.387.131.173.850	(307.337.832.001)
(6a) Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa	108.000.000.000	(2.239.493.401)	108.000.000.000	(2.475.710.029)
(6b) Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh	761.525.278.271	-	761.525.278.271	-
(6c) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thanh Nguyên	122.400.000.000	(8.131.899.398)	122.400.000.000	(5.076.922.540)
(6d) Công ty CP BCG Vĩnh Long	181.340.909.091	(14.126.238.335)	181.340.909.091	(22.846.647.044)
(6e) Công ty CP Skylar	495.000.000.000	(14.022.961.093)	495.000.000.000	-
(6f) Công ty CP BCG GALA	1.062.539.986.488	(373.324.212.087)	1.062.539.986.488	(261.176.188.681)
(6g) Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	540.000.000.000	(224.876.353.904)	540.000.000.000	-
(6h) Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	567.350.000.000	(81.056.008.157)	567.350.000.000	(13.327.869.939)
(6i) Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	806.475.000.000	(17.936.632.600)	806.475.000.000	(355.472.352)
(6j) Công ty CP Aurai Wind Energy	742.500.000.000	(146.534.601.753)	742.500.000.000	(2.079.021.416)
(6k) Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	29.994.000.000	(6.650.941)		
(6l) Công ty CP Aton	4.250.000.000	(1.471.340)		
6.2.2 Đầu tư vào công ty Liên kết	500.774.131.481	(476.344.132.416)	27.157.712.350	(2.087.870.971)
(6m) Công ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	(2.304.900.935)	24.952.712.350	(2.087.870.971)
(6n) Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	2.205.000.000	-	2.205.000.000	-
(6o) Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	474.039.231.481	(474.039.231.481)		
6.2.3 Đầu tư vào đơn vị khác	82.145.000.000	(81.183.824.912)	82.145.000.000	-
(6p) Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	785.000.000	(183.824.912)	785.000.000	-
(6q) Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	360.000.000	-	360.000.000	-
(6r) Công ty CP Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	(21.600.000.000)	21.600.000.000	-
(6s) Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	(59.400.000.000)	59.400.000.000	-
Cộng	6.004.294.305.331	(1.439.784.480.337)	5.496.433.886.200	(309.425.702.972)

6.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)***Thuyết minh về tình hình hoạt động của các công ty Con, Liên kết và khác***

Trong năm 2024, các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty đều hoạt động bình thường. (6b), (6i), (6n) và (6q) hoạt động có lãi trong năm 2024. (6k) và (6l) mới thành lập và chưa đi vào hoạt động. Các đơn vị còn lại hoạt động kinh doanh lỗ.

Thuyết minh chi tiết các khoản đầu tư:

(6a) Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101876437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 05/3/2018 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 120 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa là 90%.

(6b) Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch ("Năng lượng Sạch") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101468169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 08/7/2016 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 1.835 tỷ VND. Theo các ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27/12/2021, Công ty nhận được thêm quyền biểu quyết thông qua sự ủy quyền của một số cổ đông khác của Năng lượng Sạch và nắm giữ quyền biểu quyết là 51% tại Năng lượng Sạch. Do đó, khoản đầu tư vào Năng lượng Sạch được trình bày là một khoản đầu tư vào công ty Con. Theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Năng lượng Sạch thì công ty Con này đang có lãi lũy kế.

(6c) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5901023749 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/12/2015 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 240 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên là 51%

(6d) Công ty CP BCG Vĩnh Long được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1501079965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 05/12/2018 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 350 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP BCG Vĩnh Long là 50,5%.

(6e) Công ty CP Skylar được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316031692 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 21/11/2019 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 500 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Skylar là 99%.

(6f) Công ty CP BCG GAIA được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316831917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 28/4/2021 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 970.504.120.000 VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP BCG GAIA là 50,23%.

(6g) Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200743415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 02/02/2018 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 600 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng là 90%.

(6h) Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1 được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100661818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 03/11/2020 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 633 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1 là 90,16%.

(6i) Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2 được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100661825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp ngày 03/11/2020 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 875 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2 là 92,71%.

(6j) Công ty CP Aurai Wind Energy được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316363987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 02/7/2020 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 750 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Aurai Wind Energy là 99%.

(6k) Theo Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 18/4/2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập Công ty CP BCG Điện Gió Biên Đông với vốn điều lệ là 30 tỷ VND. Trong đó, số vốn góp Công ty đăng ký góp 29.994.000.000 VND tương ứng với 99,98% vốn điều lệ của Công ty CP BCG Điện Gió Biên Đông. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã góp đủ vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

(61) Theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 23/5/2024 và số 16/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 29/5/2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập Công ty CP Aton với vốn điều lệ là 5 tỷ VND. Trong đó, số vốn góp Công ty đăng ký góp là 4.250.000.000 VND tương ứng với 85% vốn điều lệ của Công ty CP Aton. Tính đến ngày 31/12/2024, Công ty đã góp đủ vốn.

(6m) Công ty TNHH Skylight Power ("Skylight Power") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315194609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 30/7/2018 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 50 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Skylight Power là 50%.

Theo biên bản họp Hội đồng Thành viên số 01/2024/BBH-HĐTV/SLYLIGHT ngày 15/8/2024, Hội đồng Thành Viên của Skylight Power đã thông qua các nội dung sau:

+ Phương án giảm vốn điều lệ Skylight Power từ 50.000.000.000 VND thành 15.880.000.000 VND. Thời gian thực hiện giảm vốn là sau khi Skylight Power gửi văn bản thông báo đến Ngân hàng HD Bank - Chi nhánh Hàng Xanh về phương án giảm vốn và nhận được doanh thu tiền điện từ năm 2021-2023 từ khách hàng. Theo đó, số vốn góp của Công ty trong Skylight Power sẽ từ 25.000.000.000 VND xuống 7.940.000.000 VND với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 50%;

+ Phương án chuyển nhượng 32% vốn góp Skylight Power của Công ty cho cổ đông hiện hữu của Skylight Power. Thời gian thực hiện chuyển nhượng: sau khi Skylight Power gửi văn bản thông báo đến Ngân hàng HD Bank, cung cấp các hồ sơ, văn bản phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng (nếu có); đồng thời Skylight Power hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ tại khoản 6 mục II Biên bản họp này. Theo đó, vốn góp tại Skylight Power của Công ty sẽ giảm xuống còn 2.858.400.000 VND với tỷ lệ sở hữu và biểu quyết là 18%.

+ Và các nội dung khác liên quan đến hoạt động của Skylight Power.

Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Skylight Power chưa hoàn tất các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(6n) Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316338966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 19/6/2020 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 4,5 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M là 49%.

(6o) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 31/01/2024, HĐQT của Công ty đã phê duyệt thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần được ký kết giữa các bên mua (Công ty và 2 cá nhân do Công ty chỉ định) và các bên bán (các cá nhân là cổ đông của Công ty Cổ phần Dầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa) liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 90% cổ phần Công ty Cổ phần Dầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa ("TSN") và phê duyệt ký kết Bảng điều khoản cơ bản giữa Công ty và SUS Vietnam Holding Pte. Ltd. ("SUS Vietnam") liên quan đến giao dịch chuyển nhượng 51% cổ phần TSN mà Công ty đang nắm giữ.

Vào ngày 31/01/2024, Công ty và các bên bán đã ký kết hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán cổ phần. Vào ngày 07/02/2024, các bên đã ký kết thỏa thuận sửa đổi hợp đồng nguyên tắc và cùng ngày các bên ký xác nhận hoàn thành chuyển nhượng cổ phần lần 1 nhằm ghi nhận việc các bên đã hoàn thành giao dịch lần 1. Công ty trở thành cổ đông của TSN từ ngày 07/02/2024 với số vốn Công ty nắm giữ là 661.500.000.000 VND tương ứng 45% vốn điều lệ của TSN.

Vào ngày 02/02/2024, Công ty đã ký kết Bảng điều khoản cơ bản với SUS Vietnam liên quan đến chuyển nhượng 51% vốn cổ phần của Công ty và các cá nhân do Công ty chỉ định đang nắm giữ tại TSN với giá chuyển nhượng 624.750.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-DHĐCĐ-TSN ngày 10/6/2024, Đại hội Đồng cổ đông của TSN đã thông qua việc chia tách TSN bằng việc chuyển nhượng một phần tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông của TSN hiện có ("TSN" hoặc "Công ty bị tách") để thành lập các công ty được tách là Công ty CP TSN Hòn Đất, Công ty CP TSN Long An, Công ty CP TSN Hà Nam mà không làm chấm dứt tồn tại của Công ty bị tách. Vốn điều lệ của TSN sau khi bị tách là 1.219.093.000.000 VND, trong đó, Công ty nắm giữ 548.591.900.000 VND tương ứng 45% vốn điều lệ của TSN.

Vào ngày 10/7/2024, Công ty tiến hành góp vốn bổ sung vào TSN với giá trị là 112.908.000.000 VND cùng với các cổ đông của TSN. Tại ngày 10/7/2024, vốn điều lệ của TSN là 1.470.000.000.000 VND. Trong đó, số vốn Công ty nắm giữ là 661.500.000.000 VND tương ứng 45% vốn điều lệ của TSN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Theo thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần trong TSN ngày 28/11/2024 và phụ lục điều chỉnh giá chuyển nhượng cổ phần ngày 30/12/2024, Công ty chuyển nhượng 5.145.000 cổ phần TSN tương đương 35% vốn điều lệ của TSN cho SUS Vietnam với giá chuyển nhượng là 596.915.656.000 VND. Giao dịch này đã tạo cho Công ty một khoản lãi tài chính là 114.021.887.481 VND và Công ty đang ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện do điều kiện tăng vốn của TSN chưa đạt. Số cổ phần Công ty nắm giữ còn lại là 1.470.000 cổ phần, tương đương 10% vốn điều lệ của TSN.

Theo Nghị quyết số 52/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 25/12/2024, HĐQT của Công ty đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 2.205.000 cổ phần TSN tương ứng 15% vốn điều lệ của TSN từ Ông Nguyễn Hoàng Phúc với giá nhận chuyển nhượng là 231.525.000.000 VND. Vào ngày 30/12/2024, Công ty và Ông Nguyễn Hoàng Phúc đã ký kết hợp đồng chuyển nhượng số cổ phần nêu trên và cùng là ngày Công ty sở hữu thêm số cổ phần này.

Tính đến ngày 31/12/2024, việc chia tách giữa TSN và các công ty được tách chưa hoàn tất do các bên chưa tiến hành bàn giao tài sản, quyền và nghĩa vụ, cổ đông. Theo đó, Công ty vẫn theo dõi toàn bộ vốn đầu tư ban đầu khi mua vốn cổ phần của TSN trước khi bị tách. Số dư đầu tư tại 31/12/2024 bao gồm:

- Giá trị đầu tư của Công ty vào Công ty CP Dầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa với số tiền là 369.494.648.148 VND để Công ty nắm giữ 3.675.000 cổ phần, mệnh giá: 100.000 VND/cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ của TSN.

- Giá trị đầu tư của Công ty vào các công ty được tách là Công ty CP TSN Hòn Đất, Công ty CP TSN Huế, Công ty CP TSN Long An, Công ty CP TSN Hà Nam với tổng số tiền là 104.544.583.333 VND để Công ty nắm giữ chiếm 45% vốn điều lệ của các công ty này.

Tại ngày 31/12/2024, theo quan điểm thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào TSN với giá trị suy giảm là 474.039.231.481 VND.

(6p) Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314337438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 08/4/2017 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 785 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương là 0,1%.

(6q) Công ty CP Năng lượng BCG - Bàng Dương được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313970937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 18/8/2016 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 360 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Năng lượng BCG - Bàng Dương là 0,1%.

Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương và Công ty CP Năng lượng BCG - Bàng Dương là hai công ty Con của Công ty CP BCG GAIA (công ty Con của Công ty). Theo đó, 2 công ty này cũng là công ty Con gián tiếp của Công ty thông qua Công ty CP BCG GAIA.

(6r) Công ty CP Năng lượng Dương Phong ("Dương Phong") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315660881 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp ngày 17/5/2019 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 120 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Năng lượng Dương Phong là 18%. Công ty không thu thập được báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán của Dương Phong và đánh giá không có khả năng thu hồi nên tiến hành trích lập dự phòng đầu tư 100%.

(6s) Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 ("Khai Long 1") được thành lập tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001279358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 17/11/2017 và các lần thay đổi theo từng thời điểm với vốn điều lệ là 330 tỷ VND. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của Công ty tại Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1 là 18%.

Tại V.6(a,c,g,h,i,j), Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty Con nhưng chưa xem xét đến ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của các khoản vốn góp hợp tác kinh doanh phát sinh tại các đơn vị nhận đầu tư này.

(*) Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá thị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết chưa đại chúng, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này chưa có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	155.200.001	9.468.775.455	50.900.000	9.674.875.456
Số dư cuối năm	155.200.001	9.468.775.455	50.900.000	9.674.875.456
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	108.741.656	2.650.394.581	27.570.829	2.786.707.066
Khấu hao trong năm	22.299.996	968.976.096	23.329.171	1.014.605.263
Số dư cuối năm	131.041.652	3.619.370.677	50.900.000	3.801.312.329
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	46.458.345	6.818.380.874	23.329.171	6.888.168.390
Số dư cuối năm	24.158.349	5.849.404.778	-	5.873.563.127

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 94.600.001 VND.

8. Chi phí trả trước	31/12/2024	01/01/2024
a. Ngắn hạn	653.648.646	3.182.796.468
Chi phí khác	653.648.646	3.182.796.468
b. Dài hạn	53.214.759	347.515.834
Chi phí công cụ dụng cụ	42.658.136	92.808.047
Chi phí chờ phân bổ khác	10.556.623	254.707.787
Cộng	706.863.405	3.530.312.302

9. Phải trả người bán	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	530.962.385.871	530.962.385.871	170.168.496.154	170.168.496.154
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VIII.3)	59.650.480.500	59.650.480.500	118.415.965.374	118.415.965.374
Ông Nguyễn Văn Lục	88.706.812.018	88.706.812.018	-	-
Ông Ngô Đức Thắng	324.900.000.000	324.900.000.000	-	-
Ông Hồ Quang Chiến	8.950.049.950	8.950.049.950	8.950.049.950	8.950.049.950
Công ty TNHH Xây dựng Trường Phát Lợi	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios	13.593.842.372	13.593.842.372	8.530.960.577	8.530.960.577
Các đối tượng khác	5.161.201.031	5.161.201.031	4.271.520.253	4.271.520.253
b. Dài hạn	53.921.170.213	53.921.170.213	105.627.982.231	105.627.982.231
Ông Nguyễn Văn Lục	53.921.170.213	53.921.170.213	105.627.982.231	105.627.982.231
Cộng (*)	584.883.556.084	584.883.556.084	275.796.478.385	275.796.478.385

(*) Trong đó, số dư phải trả nhà cung cấp bao gồm:

- + Số dư phải trả nhà cung cấp quá hạn thanh toán là 98.600.049.950 VND. Công ty luôn tin tưởng vào khả năng sắp xếp các nguồn vốn nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các khoản phải trả người bán này.
- + Số dư phải trả nhà cung cấp chưa có thư xác nhận phản hồi là 467.759.507.231 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Người mua trả tiền ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Aurai Wind Energy (Bên liên quan)	833.373.000.000	833.373.000.000
Cộng	833.373.000.000	833.373.000.000

Khoản người mua trả tiền liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1 và Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 cho Công ty CP Aurai Wind Energy theo các hợp đồng chuyển nhượng và phụ lục gia hạn. Thời hạn chậm nhất chuyển nhượng là 31/12/2025.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
Thuế thu nhập cá nhân	300.069.666	4.152.888.550	3.433.724.624	1.019.233.592
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	300.069.666	4.155.888.550	3.436.724.624	1.019.233.592

12. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí lương, thưởng	3.890.623.334	1.677.996.000
Chi phí lãi vay	414.298.968	1.610.060.273
Khoản trích trước chi phí thẩm định	790.000.000	360.000.000
Cộng	5.094.922.302	3.648.056.273

13. Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm bắt buộc	98.329.600	77.765.280
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh VIII.3)	-	18.267.590.000
Các khoản phải trả khác	174.050.054	32.339.200
Cộng	272.379.654	18.377.694.480

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	01/01/2024			31/12/2024
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tập đoàn BamBoo Capital (Bên liên quan)	-	162.000.000.000	162.000.000.000	-
Ông Vũ Ngọc Tiến (*)	-	152.905.596.000	94.735.870.000	58.169.726.000
Các cá nhân khác	46.895.000.000	83.000.000.000	129.895.000.000	-
Cộng	46.895.000.000	397.905.596.000	386.630.870.000	58.169.726.000

(*) Khoản vay tín chấp từ Ông Vũ Ngọc Tiến theo hợp đồng vay số 01/2024/HDV VNT-BCGE ngày 31/5/2024 và các phụ lục kèm theo. Lãi suất vay là 10%/năm, kỳ hạn vay là 12 tháng. Số dư nợ vay tại 31/12/2024 là: 58.169.726.000 VND.

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Lãi chưa thực hiện từ giao dịch chuyển nhượng vốn	114.021.887.481	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2023)	4.500.000.000.000	(61.151.176.893)	4.438.848.823.107
Tăng vốn	2.800.000.000.000	-	2.800.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	121.775.534.238	121.775.534.238
Số dư cuối năm trước (31/12/2023)	7.300.000.000.000	60.624.357.345	7.360.624.357.345
Số dư đầu năm nay (01/01/2024)	7.300.000.000.000	60.624.357.345	7.360.624.357.345
Lợi nhuận trong năm / (lỗ)	-	(859.478.678.792)	(859.478.678.792)
Số dư cuối năm (31/12/2024)	7.300.000.000.000	(798.854.321.447)	6.501.145.678.553

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	47,71%	3.483.000.000.000	3.698.000.000.000
Bà Lê Thị Mai Loan	3,78%	276.000.000.000	276.000.000.000
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	2,88%	210.000.000.000	210.000.000.000
Các cổ đông khác	45,63%	3.331.000.000.000	3.116.000.000.000
Cộng	100,00%	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2024	Năm 2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
Vốn góp đầu năm	7.300.000.000.000	4.500.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	2.800.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	730.000.000	730.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	730.000.000
Cổ phiếu phổ thông	730.000.000	730.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	730.000.000	-
Cổ phiếu phổ thông	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	730.000.000
Cổ phiếu phổ thông	730.000.000	730.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ (*)	53.659.349.000	48.042.522.037
Cộng	53.659.349.000	48.042.522.037

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ (tiếp theo)		
(*) Trong đó, bao gồm:		
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (mục VIII.3b)	53.659.349.000	32.816.524.000
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.682.127.797	25.293.503.677
Cộng	28.682.127.797	25.293.503.677
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	80.226.010.650	70.205.653.789
Cổ tức được chia	10.665.242.000	114.860.000.000
Lãi hợp tác kinh doanh	274.734.951.103	418.691.264.655
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.409.407
Cộng	365.626.203.753	603.758.327.851
4. Chi phí tài chính	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	17.542.426.887	12.323.353.102
Chi phí lãi trái phiếu	-	334.761.080.558
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	1.130.358.777.366	114.034.884.096
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.068.960.000	1.123.100.000
Chi phí phát hành trái phiếu	-	2.305.555.553
Chi phí tài chính khác	2.737.603.307	11.050.275.482
Cộng	1.153.707.767.560	475.598.248.791
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nhân viên	16.751.561.806	11.726.413.238
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	747.433.365	817.349.324
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.381.577	305.746.157
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	173.243.771
Dự phòng phải thu khó đòi	57.918.115.290	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.537.579.738	20.904.146.569
Chi phí khác bằng tiền	1.326.495.014	176.140.446
Cộng	91.588.566.790	34.103.039.505
6. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
Thu nhập từ việc hợp tác kinh doanh	-	5.456.150.000
Thu nhập khác	33.700.500	640
Cộng	33.700.500	5.456.150.640
7. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí tài trợ, từ thiện	4.764.629.630	-
Chi phí phạt thuế, vi phạm hành chính	20.711.585	480.614.091
Chi phí khác	34.128.683	2.460.226
Cộng	4.819.469.898	483.074.317

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ sản xuất kinh doanh	(859.478.678.792)	121.779.134.238
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	52.404.915.148	(114.044.353.723)
Các khoản điều chỉnh tăng	63.070.157.148	815.646.277
+ Chi phí không được trừ	5.152.041.858	815.646.277
+ Chi phí dự phòng khó đòi	57.918.115.290	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.665.242.000)	(114.860.000.000)
+ Cổ tức nhận được	(10.665.242.000)	(114.860.000.000)
Thu nhập chịu thuế	(807.073.763.644)	7.734.780.515
Kết chuyển lỗ	-	(7.734.780.515)
Thu nhập tính thuế	(807.073.763.644)	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (a)	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay (b)	-	3.600.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	-	3.600.000
= (a) + (b)		

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	747.433.365	817.349.324
Chi phí nhân công	33.859.943.688	26.044.934.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.014.605.263	1.019.153.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.897.012.348	31.165.720.952
Chi phí khác bằng tiền	2.833.584.633	349.384.217
Cộng	62.352.579.297	59.396.543.182

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2024	Năm 2023
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	397.905.596.000	78.849.347.604
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	386.630.870.000	187.970.551.770
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	2.567.636.791.580

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết, và thông tin tài chính khác
- + Công ty được cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc có quyết định khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Hồ Nam (cựu chủ tịch HĐQT của Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital (nhà đầu tư) và của Công ty) và Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến (thành viên Ban Kiểm soát của Công ty từ ngày 29/3/2024) vào ngày 28/02/2025. Vào ngày 11/3/2025, Công ty tiếp nhận đơn từ nhiệm của nhiều nhân sự cấp cao như đã thuyết minh tại mục III - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc đánh giá sự việc nêu trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Công ty nhận định mọi hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn diễn ra bình thường.
 - + Công ty đảm bảo tiếp tục thực hiện các cam kết đã ký trong các hợp đồng với các đối tác.

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết, và thông tin tài chính khác (tiếp theo)

- + Công ty cam kết góp đủ vốn vào các công ty Liên kết của Công ty trong năm 2025.
- + Công ty đang cam kết bảo lãnh cho khoản vay ngân hàng của Công ty CP BCG GAIA và Công ty CP Aurai Wind Energy.
- + Công ty cam kết thực hiện bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang toàn bộ nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ và liên quan đến Trái phiếu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên (công ty Con) đối với Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thanh toán các nghĩa vụ đó.

Ngoài các sự kiện như đã nêu trên, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến thời điểm lập báo cáo này, không còn bất kỳ khoản nợ tiềm tàng, cam kết hay thông tin tài chính nào khác có ảnh hưởng trọng yếu mà cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Vào ngày 23/5/2025, Công ty đã nhận Quyết định số 661/QĐ-SGDHN từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc đưa vào diện hạn chế giao dịch. Theo đó, cổ phiếu BGE của Công ty bị đưa vào diện hạn chế giao dịch từ ngày 29/5/2025 vì chậm nộp báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải công bố thông tin theo đúng quy định.

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	Nhà đầu tư
(i) Ông Vũ Ngọc Tiến	Nhà đầu tư
Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa	Công ty con
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượngThành Nguyên	Công ty con
Công ty CP BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Skylar	Công ty con
Công ty CP BCG GAIA	Công ty con
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đồng Thành 2	Công ty con
Công ty CP Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông	Công ty con
Công ty CP Aton	Công ty con
Công ty CP Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Phát triển Điện Gia Huy	Công ty con gián tiếp
(ii) Công ty CP Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
(iii) Công ty CP Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp

a. Các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư - Phát Triển Tâm Sinh Nghĩa	Công ty liên kết
Công ty CP TSN Hòn Đất	Công ty liên kết
Công ty CP TSN Huế	Công ty liên kết
Công ty CP TSN Long An	Công ty liên kết
Công ty CP TSN Hà Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi (tên cũ là Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải)	Cùng nhà đầu tư
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng nhà đầu tư
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort	Cùng nhà đầu tư
Tổng Công ty CP Bảo hiểm AAA	Cùng nhà đầu tư
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng nhà đầu tư
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp	Cùng nhà đầu tư
Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 1	Cùng người đại diện pháp luật
Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng người đại diện pháp luật
Công ty CP Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng người đại diện pháp luật
(i) Công ty CP Mega Solar	Cùng người đại diện pháp luật
(i) Công ty CP E Power 1	Cùng người đại diện pháp luật
Ông Ng Wee Siong, Leonard	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT
Ông Đồng Hải Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Viết Cường	Phó Ban Kiểm soát
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 29/3/2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/3/2024)

a. Các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đặng Đình Quyết	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Ông Phạm Lê Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/11/2024)
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/9/2024)
Bà Vũ Văn Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/9/2024)
(i) Ông Nguyễn Văn Lục	Chủ tịch HĐQT của công ty Con

Trong đó:

- (i) Các cá nhân và các công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 31/12/2024.
- (ii) Công ty CP Greensky Infinitive không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 05/9/2024.
- (iii) Công ty CP Cosmos Solar đã chính thức giải thể vào ngày 20/02/2024.

b. Trong năm, Công ty có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Năng Lượng BCG Thanh Hóa		
Tiền lãi cho vay trong năm	2.256.167	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital		
Vay	162.000.000.000	-
Trả gốc vay	162.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	7.408.493.810	-
Lãi vay đã trả	7.408.493.810	-
Nhận cung cấp dịch vụ	11.820.000.000	11.965.000.000
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch		
Thu gốc cho vay	454.510.000.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	52.280.349.780	61.134.570.002
Lãi cho vay đã thu	152.298.300.481	-
Cung cấp dịch vụ	3.951.424.000	3.201.424.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên		
Cho vay	29.250.000.000	14.650.000.000
Thu gốc cho vay	-	14.650.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	585.135.617	343.124.382
Cung cấp dịch vụ	3.314.433.000	4.909.540.000
Công ty CP BCG Vĩnh Long		
Cho vay	8.500.000.000	8.420.000.000
Thu gốc cho vay	8.500.000.000	13.420.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	-	98.630.139
Cung cấp dịch vụ	3.370.320.000	3.369.180.000
Hoàn trả vốn hợp tác kinh doanh	6.787.590.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Trong năm, Công ty có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Skylar		
Cho vay	43.866.000.000	25.230.000.000
Thu gốc cho vay	6.558.000.000	21.434.835.000
Tiền lãi cho vay trong năm	3.862.287.617	613.147.026
Lãi cho vay đã thu	4.300.000.000	
Cung cấp dịch vụ	6.861.700.000	7.243.000.000
Nhận cổ tức	-	99.000.000.000
Công ty CP BCG GAIA		
Cho vay	20.714.749.440	-
Thu gốc cho vay	-	234.125.112.350
Tiền lãi cho vay trong năm	316.680.279	-
Cung cấp dịch vụ	1.200.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1		
Cho vay	745.000.000	753.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	213.862.408	121.364.071
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2		
Cho vay	451.000.000	488.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	127.887.289	90.648.023
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng		
Cho vay	16.050.000.000	14.040.000.000
Thu gốc cho vay	11.308.300.000	12.922.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	535.757.794	272.710.232
Lãi cho vay đã thu	691.872.398	-
Nhận cổ tức	-	9.000.000.000
Công ty CP BCG Điện Gió Điện Biên Đông		
Góp vốn	29.994.000.000	-
Công ty CP Aton		
Góp vốn	4.250.000.000	-
Công ty CP Aurai Wind Energy		
Cho vay	80.090.000.000	63.715.000.000
Thu gốc cho vay	7.400.000.000	69.293.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	6.209.109.572	4.267.752.161
Lãi cho vay đã thu	5.600.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	13.743.720.000	13.822.380.000
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương		
Cho vay	-	38.900.000.000
Thu gốc cho vay	-	92.868.512.506
Tiền lãi cho vay trong năm	-	2.279.792.462
Lãi cho vay đã thu	-	2.990.470.795

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Trong năm, Công ty có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương		
Thu gốc cho vay	-	11.260.204.166
Tiền lãi cho vay trong năm	-	438.685.216
Lãi cho vay đã thu	-	733.367.938
Công ty TNHH Skylight Power		
Cho vay	541.000.000	-
Thu gốc cho vay	541.000.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	57.168.742	-
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa		
Góp vốn	112.908.000.000	-
Cho vay	7.397.128.000	-
Thu gốc cho vay	4.397.128.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	53.886.029	-
Lãi cho vay đã thu	53.886.029	-
Cung cấp dịch vụ	20.671.752.000	-
Công ty CP TSN Long An		
Cho vay	53.220.000.000	-
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M		
Nhận cổ tức	10.665.242.000	6.860.000.000
Cung cấp dịch vụ	546.000.000	490.000.000
Công ty Taxi Việt Nam		
Nhận cung cấp dịch vụ	96.704.370	79.323.759
Công ty CP Du lịch Casa Marina Resort		
Nhận cung cấp dịch vụ	196.809.027	33.048.182
Tổng Công ty CP Bảo hiểm AAA		
Nhận cung cấp dịch vụ	352.390.929	211.193.271
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng		
Cho vay	-	600.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	54.147.944	11.095.890
Công ty TNHH Du lịch sinh thái Cồn Bắp		
Trả gốc vay	-	20.000.000.000
Lãi vay phát sinh	-	30.684.932
Lãi vay đã trả	-	30.684.932
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1		
Cho vay	267.349.000.000	5.271.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	6.790.593.452	219.975.528
Lãi hợp tác BCC	274.734.951.103	418.691.264.655

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Trong năm, Công ty có phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2		
Cho vay	229.414.000.000	820.000.000
Thu gốc cho vay	37.642.000.000	-
Tiền lãi cho vay trong năm	3.175.439.669	68.789.587
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3		
Cho vay	900.000.000	7.170.000.000
Thu gốc cho vay	-	4.676.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	256.143.452	109.047.950
Công ty CP Mega Solar		
Tiền lãi cho vay trong năm	-	3.149.998
Nhận vốn hợp tác kinh doanh	-	50.770.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác kinh doanh	-	478.836.900.000
Công ty CP E Power 1		
Cho vay	-	169.000.000
Tiền lãi cho vay trong năm	-	1.725.535
Ông Phạm Minh Tuấn		
Vay	-	10.522.347.604
Trả gốc vay	-	10.522.347.604
Ông Vũ Ngọc Tiến		
Tặng vốn	-	30.000.000.000
Vay	152.905.596.000	-
Trả gốc vay	94.735.870.000	-
Chi phí lãi vay	4.045.428.968	-
Lãi vay đã trả	3.631.130.000	-
Tạm ứng	50.703.640	-
Hoàn ứng	50.703.640	-
Ông Nguyễn Mạnh Chiến		
Vay	-	450.000.000
Trả gốc vay	-	450.000.000

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Skylar	9.468.841.500	7.058.205.500
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	531.256.320	3.226.424.000
Công ty CP Aurai Wind Energy	23.488.100.800	17.044.883.200
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	589.680.000	529.200.000
Công ty CP BCG Vĩnh Long	4.852.764.000	2.745.572.400
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	4.642.935.240	2.394.347.600
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	402.198.480
Công ty CP BCG GAIA	1.944.000.000	648.000.000
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	7.605.152.000	-
Cộng	53.122.729.860	34.048.831.180

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có số dư với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

Phải thu khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	959.440.985	959.440.985
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	394.718.694	550.833.298
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	2.256.167	-
Công ty TNHH Skylight Power	57.168.742	-
Công ty CP Skylar	1.371.395.833	1.809.108.216
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh	9.551.932.847	109.569.883.548
Công ty CP Aurai Wind Energy	4.876.861.733	4.267.752.161
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	389.348.494	175.486.086
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	265.130.441	137.243.152
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	585.135.617	-
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	1.684.734.375.150	2.380.355.430.595
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	3.244.229.256	68.789.587
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3	365.191.402	109.047.950
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	65.243.834	11.095.890
Công ty CP BCG GAIA	316.680.279	-
Công ty CP E Power 1	-	1.725.535
Công ty CP Mega Solar	-	3.350.957
Cộng	1.707.179.109.474	2.498.019.187.960

Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	9.968.000.000	5.226.300.000
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	25.000.000	25.000.000
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	-	607.000.000
Công ty CP Skylar	59.328.000.000	22.020.000.000
Công ty CP Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Xanh	244.980.000.000	362.236.000.000
Công ty CP Aurai Wind Energy	87.112.000.000	14.422.000.000
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	2.520.180.000	-
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	1.644.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	29.250.000.000	-
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	272.620.000.000	-
Công ty CP E Power 1	-	169.000.000
Công ty CP Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	600.000.000
Công ty CP Mega Solar	-	35.000.000
Công ty CP Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	3.000.000.000	-
Công ty CP TSN Long An	53.220.000.000	-
Cộng	764.267.180.000	405.340.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

c. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có số dư với các bên liên quan (tiếp theo) như sau:

Phải thu về cho vay dài hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Xanh	-	337.254.000.000
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	-	1.775.180.000
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	-	1.193.000.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 1	-	5.271.000.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 2	192.592.000.000	820.000.000
Công ty CP Điện Gió BCG Khai Long 3	3.394.000.000	2.494.000.000
Công ty CP BCG GAIA	20.714.749.440	-
Cộng	216.700.749.440	348.807.180.000

Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng Tracodi	58.000.000.000	58.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Bamboo Capital	1.647.200.000	5.372.067.374
Công ty Taxi Việt Nam	3.280.500	631.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	3.043.267.000
Ông Nguyễn Văn Lục	-	52.000.000.000
Cộng	59.650.480.500	118.415.965.374

Người mua trả tiền trước ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Aurai Wind Energy	833.373.000.000	833.373.000.000

Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Mega Solar	-	11.480.000.000
Công ty CP BCG Vĩnh Long	-	6.787.590.000
Cộng	-	18.267.590.000

d. Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

	Năm 2024	Năm 2023
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	6.139.014.667	3.052.037.246
Trong đó:		
- Bà Hoàng Thị Minh Châu	-	108.500.000
- Ông Đồng Hải Hà	504.000.000	268.833.333
- Ông Nguyễn Việt Cường	93.800.000	91.700.000
- Ông Phạm Minh Tuấn	1.360.400.000	790.900.000
- Ông Nguyễn Giang Nam	975.005.143	-
- Ông Hoàng Trung Thành	890.691.429	-
- Bà Vũ Văn Ngọc Nicki	302.800.000	432.360.000
- Ông Đặng Đình Quyết	327.700.000	-
- Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	1.381.172.381	1.058.710.000
- Ông Phạm Lê Quang	303.445.714	-
- Ông Phạm Đăng Khoa	-	301.033.913
Cộng	6.139.014.667	3.052.037.246

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục các hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hạ

Kế toán trưởng



Lưu Khánh Trường

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

